TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **365**/2025/DS-ST
Ngày: 08/9/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị H.

2. Bà Nguyễn Thị Lưu L.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh*: Bà Đỗ Thị Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-DS ngày 15/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT.

* *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Thanh N – Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 Đường Nam Kỳ KN, Phường Võ Thị S, Quận B, Thành phố M.

Địa chỉ mới: Số 266-268 Đường Nam Kỳ KN, phường X, Thành phố M.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT (Công ty ABS).

** Người đại diện theo ủy quyền lại:*

1. Ông Dương Đức T – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 301 Đường Minh P, Phường H, Quận MM (nay là Phường Minh P), Thành phố M.

2. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số 278 Đường Nam Kỳ KN, Phường Võ Thị S (nay là phường X), Quận B, Thành phố M.

(Giấy ủy quyền số 8893/2024/UQ-TGĐ ngày 05/12/2024)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 69 Đường số 20, Phường M, Quận S, Thành phố M.

Địa chỉ mới: Số 69 Đường số 20, phường Bình P, Thành phố M.

Ông Nguyễn Đình L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; các Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/09/2019 ông Nguyễn Văn T ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Sb) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Sb đã đồng ý duyệt cho ông T vay với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.4 %/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.864.000 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 05/4/2022, ông Nguyễn Văn T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.265.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Từ ngày 05/5/2022, ông Nguyễn Văn T không thanh toán cho Ngân hàng thêm khoản nào khác, Ngân hàng đã nhắc nợ nhiều lần nhưng ông T không có

thiện chí trả nợ nên ngày 06/02/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 28.105.128 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 3.6 %/ tháng (2.4 % x 150%).

Tính đến ngày 08/09/2025, ông Nguyễn Văn T còn nợ Sb tổng số tiền 85.664.304 đồng, gồm các khoản: Nợ gốc: 28.105.128 đồng; Lãi quá hạn: 57.559.176 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/09/2025 là 85.664.304 đồng;

Ông Nguyễn Văn T còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng*:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, đúng thành phần và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại các Điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Thư ký tiến hành các thủ tục trước khi khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện ủy quyền chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn ông Nguyễn Văn T chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung*:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2019, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 69 Đường số 20, Phường M, Quận S (nay là phường Bình P), Thành phố M.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S (nay là Tòa án nhân dân Khu vực B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2019; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Sb; Lời trình bày của phía nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn T đã được Sb cấp hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân thông qua hình thức phát hành thẻ tín dụng Loại thẻ tín dụng quốc tế VISA, số thẻ 436438-9767; lãi suất trong hạn là 2.4%./tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ông Nguyễn Văn T đã được nhận thẻ và sử dụng thẻ để tiêu dùng cá nhân. Cụ thể: từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 05/3/2020, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.864.000 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải chịu các khoản phí và lãi trong hạn gồm: Lãi trong hạn: 10.910.864 đồng; Phí trễ hạn: 1.336.264 đồng; Phí vượt hạn mức: 100.000 đồng; Phí phí thường niên, phí rút tiền mặt: 2.159.000 đồng.

Tổng số tiền ông Nguyễn Văn T đã thanh toán cho Sb đến ngày 05/4/2020 là 16.265.000 đồng. Theo thứ tự thanh toán quy định tại điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, sau khi trừ lãi, phí thì số tiền dư nợ gốc ông Nguyễn Văn T chưa thanh toán là 28.105.128 đồng.

Do ông Nguyễn Văn T vi phạm về thời hạn thanh toán nên Sb đã chuyển toàn bộ dư nợ 28.105.128 đồng sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận tại Điều 23 và Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sb. Lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo thụ lý vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt, không gửi ý kiến phản hồi bằng văn bản và không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của mình. Như vậy, bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ bảng tính lãi chi tiết của Ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 08/9/2025, tổng số lãi quá hạn ông Nguyễn Văn T còn nợ là 57.559.176 đồng.

Việc ông Nguyễn Văn T vi phạm thỏa thuận của Hợp đồng vay về thời hạn thanh toán nên Sb khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền nợ tạm tính đến 08/9/2025 là 85.664.304 đồng, gồm: Nợ gốc: 28.105.128 đồng; Lãi quá hạn: 57.559.176 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/9/2025, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2019; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. (*Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, tính được là: 4.283.215 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT không phải nộp án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.901.310 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền nợ tạm tính đến 08/9/2025 là **85.664.304 đồng** (Tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn ba trăm lẻ tư đồng), gồm: Nợ gốc: 28.105.128 đồng; Lãi quá hạn: 57.559.176 đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2019.

Kể từ ngày 09/9/2025, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/9/2019; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **4.283.215 đồng** (Bốn triệu hai trăm tám mươi ba ngàn hai trăm mười lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.901.310 đồng theo biên lai thu số 0010699 ngày 20/01/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực B), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực B (2);
- Phòng THADS Khu vực B (1);
- Thi hành án dân sự Tp.HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị T